

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2020

V/v: Ly hôn, trAh chấp nuôi con

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê QuAg Xet;

Ông Đào Văn Nô.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 204/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc trAh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Xã S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện tại: Tổ 4, khu phố Phước Hải, phường Thái H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Mai Đình A, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Xã S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện tại: Tổ 4, khu phố Phước Hải, phường Thái H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 6 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà Lê Thị T và ông Mai Đình A tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2006. Bà Lê Thị T và ông Mai Đình A đăng ký kết hôn tại UBND xã T Sơn, huyện Sơn T, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13,

ngày 01-3-2006. Sau khi cưới, vợ chồng chuyển vào Bình Dương sinh sống, làm ăn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà T bị bệnh không đi làm được nên ông A thường xuyên mắng chửi, chì chiết, không tôn trọng bà T. Vợ chồng và gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống và chăm lo cho con nhưng không có kết quả. Vì con bà T đã nhiều năm nhảu nhẹn nhưng ông A ngày càng đối xử với bà T tệ hơn.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Mai Đình A, yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung tên Mai Lê Hoài T1 sinh ngày 25-8-2009 và Mai Lê Hoài Phương sinh ngày 30-8-2015. Theo đơn khởi kiện, bà Lê Thị T yêu cầu ông Mai Đình A cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng/02 con đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, ngày 29-7-2020, bà Lê Thị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, trả chấp quyền nuôi con chung với bị đơn ông Mai Đình A.

Bị đơn ông Mai Đình A vắng mặt.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Lê Thị T và ông Mai Đình A tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân của bà Lê Thị T và ông Mai Đình A đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà Lê Thị T đã cố gắng hòa giải cùng ông Mai Đình A nhưng không thành, nay bà T kiên quyết ly hôn. Hiện nay, các con chung tên Mai Lê Hoài T1 sinh ngày 25-8-2009 và Mai Lê Hoài Phương sinh ngày 30-8-2015 đang sống cùng với bà Lê Thị T, được chăm sóc, giáo dục tốt và con chung Mai Lê Hoài T1 trên 07 tuổi, có bản tự khai nộp cho Tòa án ghi rõ nguyện vọng mong muốn được sống cùng bà Lê Thị T. Do đó, bà Lê Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung và rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Mai Đình A

cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, trả lại trách nhiệm nuôi con và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T yêu cầu ly hôn với ông Mai Đình A là quá hệ pháp luật trả lại chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Mai Đình A có địa chỉ tạm trú tại tổ 4, khu phố Phước Hải, phường Thái H, thị xã T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn ông Mai Đình A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và triệu tập ông A tham gia phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng ông A vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án mà không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quá hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Mai Đình A tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T Sơn, huyện Sơn T, tỉnh Quảng Ngãi và cấp Giấy chứng nhận kết hôn 13 ngày 01-3-2006 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quá hệ sống, ông A không lo làm ăn, chăm sóc vợ con, ông A thường xuyên mắng bà T, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà T, vợ chồng không còn quá hệ tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng không thể tự hòa giải, thỏa thuận được, bà T kiên quyết ly hôn với ông A. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho bà T và ông A nhưng ông A không đến Tòa án thể hiện việc không muốn hòa giải, đoàn tụ với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông A đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T

yêu cầu ly hôn với ông A là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung tên Mai Lê Hoài T1 sinh ngày 25-8-2009 và Mai Lê Hoài Phương sinh ngày 30-8-2015. Hiện tại, các con chung đã sống với bà T, con chung Mai Lê Hoài T1 sinh ngày 25-8-2009 có bản tự khai ghi rõ nguyện vọng được sống cùng mẹ là bà Lê Thị T, điều kiện chăm sóc, giáo dục của các con chung được đảm bảo. Do đó, bà Lê Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 238, 266, 217, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc bà Lê Thị T yêu cầu ông Mai Đình A cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Mai Đình A về việc ly hôn, trả cho bà nuôi con như sau:

1. Về quA hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Mai Đình A.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Mai Lê Hoài T1 sinh ngày 25-8-2009 và Mai Lê Hoài Phương sinh ngày 30-8-2015 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Mai Đình A không cấp dưỡng cho con.

Bà Lê Thị T và ông Mai Đình A đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0038134 ngày 18-6-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01) ;
- VKSND thị xã T (01) ;
- UBND xã S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (01) ;
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Sơn